

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Trần Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Hữu T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương.
(Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thụy M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018 và quá trình giải quyết, ông Đinh Hữu T là nguyên đơn trình bày: Ông T và bà Trần Thị Thụy M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương ngày 09/11/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng trong suy nghĩ, cách sống, bà M có quan hệ tình cảm với người khác, ông T không chấp nhận được việc này. Nay ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Thụy M. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Đinh Khánh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thái K, sinh ngày 28/12/2012, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Thụy M tại nơi cư trú, lý do bà M không có mặt tại nơi cư trú trong giờ hành chính. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bà M theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường D và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Ngày 29/10/2018, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hữu T về việc ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn bà Trần Thị Thụy M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/10/2018, nguyên đơn ông Đinh Hữu T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn bà Trần Thị Thụy M đã được Tòa án triệu tập họp lệ bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng (gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm) tại nơi cư trú của bị đơn,

Ủy ban nhân dân phường D và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hữu T và bà Trần Thị Thụy M tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01/2010, ngày 09/11/2010 của Ủy ban nhân dân phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong suy nghĩ, cách sống, bà M có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay, ông T và bà M đã không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên ông vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà M. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện bà M không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà M đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Hữu T đối với bà Trần Thị Thụy M là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Đinh Khánh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thái K, sinh ngày 28/12/2012. Xét thấy, cháu H và cháu K hiện đang sống ổn định với ông T từ khi ông T và bà M không còn sống chung với nhau. Quá trình làm việc, cháu H trình bày nguyện vọng được sống chung với cha ruột tên Đinh Hữu T trường hợp cha mẹ ly hôn. Đồng thời, ông T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu Đinh Khánh H và Đinh Thái K cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hữu T đối với bị đơn bà Trần Thị Thụy M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hữu T được ly hôn với bà Trần Thị Thụy M.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đinh Khánh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thái K, sinh ngày 28/12/2012 cho ông Đinh Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Thụy M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đinh Hữu T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0022525 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung